

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỌC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Hồng Hạnh¹
Email: hanhnth@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 05/02/2025

Ngày phản biện đánh giá: 13/08/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 26/08/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.657

Tóm tắt: Trong bối cảnh bùng nổ thông tin như hiện nay, phát triển văn hóa đọc trở thành nhiệm vụ cấp thiết đối với mỗi quốc gia. Văn hóa đọc giúp sinh viên nâng cao kỹ năng tìm kiếm, chọn lọc, sử dụng thông tin hiệu quả và hợp pháp, từ đó tự học, tự nghiên cứu và ứng dụng tri thức vào thực tiễn. Trong bài viết này tác giả trình bày các nội dung: Phương pháp nghiên cứu và cơ sở lý luận về phát triển văn hóa đọc; thực trạng văn hóa đọc của sinh viên Trường Đại học Mở Hà Nội, từ đó đề xuất giải pháp phát triển văn hóa đọc cho sinh viên trong Trường.

Từ khóa: sinh viên, phát triển văn hóa đọc, giải pháp, Trường Đại học Mở Hà Nội

I. Mở đầu

Văn hóa đọc (VHĐ) là phương thức giúp nâng cao dân trí, truyền thụ kiến thức, tinh hoa, giá trị văn hóa của thế hệ trước truyền lại cho thế hệ sau, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, góp phần kiến tạo nên nét văn hóa đặc trưng và nhân cách riêng biệt của mỗi con người. Tuy giữ vai trò quan trọng trong đời sống, VHĐ hiện nay đang dần mai một do ảnh hưởng từ truyền thông, mạng xã hội và các phương tiện nghe nhìn hiện đại.

Trong học sinh, sinh viên (HS-SV), VHĐ suy giảm thể hiện qua lối sống, thái độ, kỹ năng ứng xử còn hạn chế. Việc phát

triển VHĐ là cần thiết để xây dựng thói quen đọc sách, biến nó thành nét đẹp văn hóa trong mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng - hướng tới một chuẩn mực văn hóa quốc gia.

Trước thực trạng đó, các cơ quan quản lý đã ban hành nhiều chính sách, phong trào thúc đẩy VHĐ, cụ thể như: Quyết định số 1166/QĐ-BVHTTDL của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch chọn ngày 23/4 hàng năm là ngày “Hội sách Việt Nam”; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các QĐ số 329/QĐ/TTg phê duyệt “Đề án phát triển VHĐ trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”; QĐ số 1862/QĐ-TTg về tổ chức Ngày Sách và VHĐ Việt Nam vào ngày 21/4 hàng năm trên phạm

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

vi toàn quốc; Luật Thư viện 2019 quy định ngày 21/4 hằng năm là Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam; Các cuộc thi “Đại sứ Văn hóa đọc” tổ chức toàn quốc từ năm 2019 đến nay.

Phát triển VHĐ giúp SV nâng cao khả năng tự học, tư duy phản biện, rèn luyện đạo đức, kỹ năng sống và khả năng thích nghi trong xã hội hiện đại. Bên cạnh người thầy, sách chính là kho tri thức vô tận, mở ra những chân trời mới - như lời đại thi hào M. Gorki từng nói “Sách mở rộng ra trước mắt tôi những chân trời mới.”

II. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được tác giả sử dụng gồm:

- Nghiên cứu tài liệu;
- Phương pháp quan sát thực tiễn;
- Khảo sát thông tin;
- Thống kê, tổng hợp và phân tích số liệu.

III. Cơ sở lý thuyết

3.1. Một số khái niệm

3.1.1. Văn hóa đọc

Trong những năm gần đây, thuật ngữ “văn hoá đọc” (VHĐ) xuất hiện ngày càng nhiều trên báo chí, truyền hình và các phương tiện truyền thông. Tuy chưa có một định nghĩa thống nhất, nhưng nhiều nhà khoa học và chuyên gia đã đưa ra những quan điểm đa chiều về khái niệm này.

PGS.TS Nhà ngôn ngữ học Phạm Văn Tình (2010, trích dẫn trong Vũ, 2013, tr. 20) khẳng định: “Văn hóa đọc chính là thái độ, là cách ứng xử của chúng ta đối với tri thức sách vở. Phải biết đọc sao cho hợp lý và bổ ích. Đọc sao cho hợp với quy luật tiếp nhận tri thức”.

GS.TS Chu Hào (2012) trong hội thảo “Sách và chấn hưng giáo dục” đã

phát biểu các yếu tố cấu thành VHĐ bao gồm: thói quen đọc sách, phương pháp chọn sách và kỹ năng đọc hiệu quả. Ba yếu tố này liên kết chặt chẽ và cần được hình thành từ sớm thông qua rèn luyện.

Theo Trần (2016) nhìn nhận VHĐ là tập hợp các kỹ năng tiếp nhận, sử dụng thông tin và thái độ ứng xử với tài liệu, bao gồm khả năng tìm kiếm, chọn lọc và sáng tạo trong quá trình đọc.

Tác giả Nguyễn (2009) phân biệt VHĐ ở hai cấp độ: Cá nhân là hành vi, giá trị, chuẩn mực đọc của mỗi người; và tập thể bao gồm cộng đồng, tổ chức, cơ quan quản lý - phản ánh VHĐ của toàn xã hội.

Như vậy, VHĐ có thể hiểu là ứng xử, giá trị và chuẩn mực đọc của mỗi cá nhân và cộng đồng, được thể hiện qua thói quen, sở thích và kỹ năng đọc - những yếu tố then chốt trong việc hình thành nhân cách và tri thức con người hiện đại.

3.1.2. Phát triển văn hóa đọc

Phát triển VHĐ là sự kết hợp giữa việc mở rộng tri thức cá nhân và xây dựng thói quen đọc sách trong đời sống hàng ngày. Trong giáo dục, VHĐ diễn ra xuyên suốt quá trình học tập, đặc biệt quan trọng với SV - những người cần chủ động tiếp cận tri thức qua sách, báo, tạp chí như một hình thức “giáo dục tự thân”. Việc phát triển VHĐ không chỉ dừng lại ở việc đọc sách, mà còn là đọc đúng - hiểu đúng để hình thành thế giới quan, nhận thức giá trị và quy luật cuộc sống. Điều này góp phần rèn luyện nhân cách, kỹ năng tư duy và khả năng thích nghi với môi trường sống hiện đại.

Như lời Bác Hồ từng dạy: “Học ở trường học, học trong sách vở, học lẫn nhau...”. Đọc sách không chỉ mở rộng kiến thức mà còn giúp mỗi người thay đổi tư duy, khám phá thế giới, vượt qua giới hạn khuôn mẫu và sống tốt hơn.

Phát triển VHĐ cho SV là quá trình định hướng, dẫn dắt từ chưa có đến hình thành đam mê đọc sách, báo nhằm phục vụ cho mục tiêu học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân theo chuyên ngành đã chọn. VHĐ không chỉ giúp SV tích lũy tri thức và kinh nghiệm, mà còn hỗ trợ thích nghi tốt với sự thay đổi, phát triển của xã hội hiện đại.

3.2. Nội dung phát triển văn hóa đọc

Mục tiêu cuối cùng của phát triển VHĐ là hình thành thói quen, sở thích và kỹ năng đọc cho mỗi cá nhân. Một hoạt động đọc hiệu quả cần được định hướng rõ ràng, có mục tiêu cụ thể và tạo ra giá trị tích cực. Điều này dựa trên bốn năng lực cốt lõi sau:

3.2.1. Năng lực định hướng đọc

Thể hiện ở thói quen, nhu cầu và sở thích đọc hình thành từ quá trình rèn luyện và phản xạ tích cực.

- Thói quen đọc được lặp đi lặp lại nhiều lần, là những hành vi tích cực được định hình trong hoạt động đọc và trở thành nhu cầu không thể thiếu trong hoạt động sống của con người

- Nhu cầu đọc là đòi hỏi khách quan của chủ thể (cá nhân, nhóm, xã hội) đối với việc tiếp nhận và sử dụng tài liệu nhằm duy trì và phát triển các hoạt động sống của con người. Nhu cầu đọc xuất phát từ công việc, học tập, mở mang trí tuệ hoặc giải trí.

- Sở thích đọc sách là một thói quen tốt giúp thư giãn, rèn luyện tư duy và duy trì sức khỏe tinh thần.

3.2.2. Năng lực lĩnh hội nội dung, kỹ năng và phương pháp đọc

- Năng lực lĩnh hội nội dung đọc thể hiện qua hiểu đúng thông điệp, nắm bắt

luyện điếm, ghi nhớ và vận dụng kiến thức đã đọc vào thực tiễn..

- Kỹ năng đọc là yếu tố then chốt giúp tiếp nhận, cảm thụ và chuyển hóa tri thức từ sách thành tri thức cá nhân.

- Phương pháp đọc là cách thức tiếp cận tài liệu, thay đổi linh hoạt theo mục tiêu, sở thích và nhu cầu đọc.

3.2.3. Năng lực ứng xử với tài liệu

Chính là thái độ và hành vi ứng xử với tài liệu của bạn đọc. Thái độ, hành vi sử dụng tài liệu là chuẩn mực đạo đức của con người trong xã hội thông tin, phản ánh VHĐ của mỗi cá nhân. Như lời của G.H.Taxteven “Tôn trọng sách cũng chính là tôn trọng con người”.

Các năng lực trên có thể tự rèn luyện hoặc được hình thành qua sự hướng dẫn từ gia đình, nhà trường và xã hội. Đây là nền tảng vững chắc để phát triển VHĐ bền vững và toàn diện.

IV. Kết quả nghiên cứu

Để làm rõ nội dung nghiên cứu, tác giả tiến hành khảo sát trực tuyến với 500 SV chính quy thuộc các chuyên ngành, từ năm 1 tới năm 4 tại Trường. Cụ thể:

SV năm nhất: 125 phiếu;

SV năm 2: 125 phiếu;

SV năm 3: 125 phiếu;

SV năm 4: 125 phiếu.

Dữ liệu được tổng hợp và tính trung bình theo các tiêu chí khảo sát trên toàn bộ số phiếu.

4.1. Năng lực định hướng đọc của SV

Năng lực định hướng đọc thể hiện qua thói quen, nhu cầu và sở thích đọc. Cụ thể là một số thông tin như trong Bảng 1:

Bảng 1. Năng lực định hướng đọc của SV

Năng lực định hướng đọc		Tỷ lệ (%)				Trung bình
		SV1	SV2	SV3	SV4	
SV có thói quen đọc sách không?	Thường xuyên	36,13	27,00	32,00	41,00	36,13
	Thi thoảng	35,38	39,00	39,00	34,00	35,38
	Ít khi	28,50	34,00	29,00	25,00	28,50
Lý do không thường xuyên đọc sách	Không có nguồn	25,76	27,00	26,00	23,00	25,76
	Không có hứng thú	18,50	18,00	19,00	18,00	18,50
	Bận rộn	38,88	39,00	41,00	43,00	38,88
	Lười	16,86	16,00	14,00	16,00	16,86
SV có nhu cầu đọc tại đâu?	Ở nhà	22,75	21,00	18,00	19,00	22,75
	Thư viện	41,50	41,00	41,00	35,00	41,50
	Địa điểm khác	35,75	38,00	41,00	46,00	35,75
Sở thích đọc	Giáo trình	24,25	28,00	21,00	19,00	24,25
	Tài liệu tham khảo	33,50	25,00	37,00	48,00	33,50
	Kỹ năng sống	30,25	36,00	27,00	23,00	30,25
	Giải trí	12,00	11,00	15,00	10,00	12,00

Theo số liệu trên, tỷ lệ SV có thói quen đọc sách không cao, thường xuyên đọc sách chỉ chiếm 36,13%, trong khi đó ít khi đọc sách là 28,5%. Lý do của việc ít đọc sách được giải thích cụ thể là do không có nguồn sách phù hợp 25,76%, không có hứng thú với việc đọc 18,5%, do bận rộn học tập, làm thêm và các mối quan hệ chiếm tới 38,88%. Càng các năm cuối tỷ lệ bận rộn càng cao, nguyên nhân chính là do SV bận làm thêm và chuẩn bị tốt nghiệp. Môi trường đọc rất quan trọng, tác động tích cực đến SV, nhu cầu đọc của SV chiếm phần lớn là nguồn tài liệu và cơ sở vật chất của Thư viện Trường. Tuy nhiên, do đặc thù của Trường nên việc phục vụ bạn đọc bị hạn chế. Chính vì vậy, nhu cầu đọc sách của SV tại các Thư viện công cộng, thư viện trường đại học khác, thư viện chuyên ngành và các nhà sách tăng dần theo các năm cuối. Để phát triển VHĐ cho SV, Nhà trường cần đầu tư, nâng cấp cho Thư viện hơn nữa về: cơ sở vật chất, tài nguyên thư viện, các dịch vụ và hoạt

động thư viện để phục vụ kịp thời hơn nữa nhu cầu của SV. Sở thích đọc của SV phân hóa rõ rệt, giáo trình 24,25%, tài liệu tham khảo phục vụ bổ trợ học tập, nghiên cứu 33,5%, các tài liệu kỹ năng sống, kỹ năng mềm rất được quan tâm chiếm tới 30,25% và các tài liệu mang tính chất giải trí chiếm có 12%. Điều này chứng tỏ SV rất quan tâm tới mảng tài liệu để phát triển bản thân, trau dồi các kỹ năng toàn diện cho mình. Đây là cơ sở để Thư viện có chính sách bổ sung các tài liệu phù hợp với nhu cầu đọc của SV.

4.2. Năng lực lĩnh hội nội dung, kỹ năng và phương pháp đọc

Năng lực lĩnh hội nội dung, kỹ năng và phương pháp đọc được tổ hợp từ nhiều yếu tố như: cách lựa chọn tài liệu, sử dụng phương tiện và các dịch vụ để cập nhật thông tin. Kết quả khảo sát cho thấy SV có năng lực đọc hiểu, kỹ năng và phương pháp đọc khá tốt, thể hiện tinh thần tự giác, chủ động học tập dù chưa đạt mức tối ưu.

4.2.1. Năng lực lĩnh hội nội dung đọc

Năng lực này bao gồm khả năng đọc hiểu, phát hiện vấn đề, nắm bắt ý tưởng và thông điệp của tác giả, từ đó xác định

đúng mục tiêu và nội dung cần tiếp cận. Những yếu tố này giúp SV giải quyết vấn đề hiệu quả thông qua tài liệu được chọn đọc. (Bảng 2)

Bảng 2. Năng lực lĩnh hội nội dung đọc của SV

SV có năng lực lĩnh hội nội dung đọc về		Tỷ lệ (%)				Trung bình
		SV1	SV2	SV3	SV4	
Khả năng đọc hiểu	Hiểu đúng nội dung	43,80	63,40	64,20	61,70	58,28
	Ghi nhớ nội dung	35,60	54,20	56,00	55,00	50,20
	Vận dụng vào thực tiễn	46,70	72,80	71,90	86,40	69,45
Khả năng sử dụng tài liệu phục vụ cho	Nhu cầu học tập	58,60	69,50	72,40	86,90	71,85
	Nghiên cứu khoa học	37,90	63,70	54,20	57,00	53,20
	Phát triển bản thân	45,00	47,00	49,00	52,00	48,25
	Mục đích khác	26,00	22,00	27,00	21,00	24,00
Khả năng sử dụng tài liệu ngôn ngữ	Tiếng Việt	56,50	76,00	92,00	98,10	80,65
	Tiếng Anh	42,90	52,00	58,00	61,00	53,48
	Tiếng Trung	26,20	23,00	25,00	26,00	25,05
	Ngôn ngữ khác	18,90	19,50	19,10	21,00	19,63

Khả năng đọc hiểu của SV nhìn chung khá tốt. Cụ thể, 69,45% SV hiểu đúng nội dung, biết vận dụng kiến thức đã đọc vào thực tiễn. Phần lớn SV đọc tài liệu tiếng Việt (80,65%), trong khi tài liệu ngoại văn còn ít được tiếp cận, ngoại trừ ở các khoa Tiếng Anh, Tiếng Trung và Du lịch. 71,85% SV đọc để phục vụ học tập, và 48,25% quan tâm đến tài liệu phát triển bản thân. Tuy nhiên, để nâng cao khả năng lĩnh hội, SV cần được hướng dẫn thêm về phương pháp đọc hiệu quả, kỹ năng chọn lọc thông tin, với sự hỗ trợ từ giảng viên và cán bộ thư viện.

4.2.2. Kỹ năng và phương pháp đọc

Kỹ năng đọc là thành phần thiết yếu của VHĐ, giúp người đọc tiếp nhận thông tin nhanh, chính xác và ứng dụng sáng tạo vào thực tế. Thư viện luôn chú trọng việc bồi dưỡng kỹ năng và phương pháp đọc cho SV thông qua khảo sát thực tế và các chương trình hỗ trợ. Bảng 3 trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng và phương pháp đọc của SV, làm cơ sở để đưa ra các giải pháp cải thiện phù hợp.

Bảng 3. Kỹ năng đọc và phương pháp đọc của SV

Nội dung đánh giá		Tỷ lệ (%)				Trung bình
		SV1	SV2	SV3	SV4	
Kỹ năng đọc	Xác định mục đích đọc	68,0	72,0	71,0	78,0	72,3
	Lựa chọn tài liệu	56,0	59,0	61,0	72,0	62,0
	Dành thời gian đọc mỗi ngày	24,0	26,0	21,0	20,0	22,8
	Khả năng đọc hiểu nhanh	43,0	45,0	57,0	69,0	53,5
Phương pháp đọc	Đọc lướt	45,0	49,0	53,0	67,0	53,5
	Đọc phân tích	35,0	66,0	76,0	63,0	60,0
	Đọc hiểu sâu	32,0	57,0	52,0	56,0	49,3
	Đọc và ghi chép lại	26,0	32,0	29,0	23,0	27,5

Kết quả khảo sát cho thấy SV có phương pháp đọc ở mức khá: Đọc lướt: 53,5%; Đọc phân tích: 60%; Đọc hiểu sâu: 49,3%; Đọc ghi chép lại: chỉ 27,5%.

SV đã xác định được mục đích đọc và biết chọn lọc tài liệu phù hợp. Tuy nhiên, chỉ 22,8% dành thời gian đọc sách mỗi ngày, cho thấy thói quen đọc vẫn chưa được duy trì thường xuyên. Do đó, cần tăng cường hướng dẫn SV các phương

pháp đọc nhanh, hiệu quả và có ghi chép, nhằm nâng cao chất lượng tiếp thu và ứng dụng tri thức.

4.3. Năng lực ứng xử với tài liệu

Năng lực ứng xử với tài liệu bao gồm thái độ và hành vi ứng xử của SV với tác giả và tài liệu đó là tích cực hay tiêu cực, là việc giữ gìn, trân trọng các tài liệu đó. Cụ thể như nội dung minh họa ở Bảng 4:

Bảng 4. Yếu tố thể hiện năng lực ứng xử với tài liệu của SV

Nội dung đánh giá	Tỷ lệ (%)		
	Đồng ý	Không đồng ý	Không quan tâm
Bôi, viết, vẽ, đánh dấu vào tài liệu	25,60	53,20	24,10
Cắt, xé các trang có nội dung yêu thích	20,10	54,00	19,40
Mượn tài liệu không trả	13,60	76,10	16,00

Theo kết quả tại Bảng 4, phần lớn SV có thái độ tích cực trong việc bảo vệ tài liệu: Trên 76% không đồng ý với hành vi bôi bẩn tài liệu; Hầu hết SV phản đối hành vi làm hư hại tài liệu hoặc không hoàn trả tài liệu đúng hạn; Tỷ lệ SV đồng ý hoặc thờ ơ với các hành vi tiêu cực đều ở mức dưới trung bình. Điều này cho thấy SV có nhận thức đúng đắn, biết tôn trọng và giữ gìn tài nguyên thông tin - biểu hiện của nhân cách tích cực và ý thức trách nhiệm cá nhân. Tuy nhiên, cần tăng cường tuyên truyền và hỗ trợ từ giảng viên, cán bộ thư viện để nâng cao ý thức tuân thủ quy định, đồng thời áp dụng chế tài nghiêm minh với những hành vi vi phạm.

4.4. Nhận xét chung về VHD của SV

4.4.1. Ưu điểm

SV có thói quen đọc sách, biết lĩnh hội nội dung, áp dụng phương pháp đọc hiệu quả và có ý thức giữ gìn tài liệu. Dù chưa đạt mức cao nhất, nhưng cho thấy SV tôn trọng tri thức, sách vở, tác giả, và có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống.

4.4.2. Hạn chế

Qua thực tiễn cho thấy SV có năng lực cũng như thái độ ứng xử với tài liệu chưa đồng đều. Sự chênh lệch trong thói quen đọc giữa các khối ngành (kinh tế, xã hội, kỹ thuật) vẫn rõ nét. Cần tăng cường hoạt động hướng dẫn và tuyên truyền thường xuyên, tích hợp qua các môn học và hoạt động thư viện

4.4.3. Nguyên nhân

Những hạn chế xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan như: Ảnh hưởng của môi trường văn hóa - xã hội, điều kiện kinh tế, công nghệ; Sự khác biệt về ngành học, mục tiêu nghề nghiệp, giới tính, trình độ nhận thức và sự am hiểu tri thức xã hội; Môi trường giáo dục, thư viện và sự định hướng từ nhà trường chưa đồng bộ.

V. Kết luận và đề xuất giải pháp phát triển VHD cho SV Trường Đại học Mở Hà Nội

5.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển VHD trong Trường

Nâng cao nhận thức về VHD cho cán bộ, giảng viên và SV là yếu tố then chốt

quyết định hiệu quả phát triển VHĐ trong nhà trường. Nhận thức này cần triển khai đồng bộ, từ lãnh đạo đến từng cá nhân, để lan toả rộng rãi trong toàn trường.

Để hỗ trợ SV tiếp cận tài liệu chất lượng và hình thành thói quen đọc tích cực, cần có sự phối hợp giữa giảng viên, cán bộ quản lý, cán bộ thư viện thông qua: Hướng dẫn sử dụng thư viện, tra cứu tài liệu, phương pháp đọc hiệu quả; Tổ chức các hoạt động, phong trào phát triển VHĐ: thi tìm hiểu sách, talkshow, trưng bày sách nghệ thuật, giao lưu chia sẻ về sách; Đẩy mạnh truyền thông về VHĐ tại giảng đường và trên mạng xã hội; Các hoạt động VHĐ cần được tổ chức thường xuyên, có chiều sâu, tránh hình thức phong trào. Qua đó, SV sẽ nhận thức rõ hơn về giá trị của việc đọc, từ đó thay đổi tư duy, thái độ học tập, nâng cao kết quả rèn luyện và phát triển nhân cách một cách bền vững.

5.2. Tạo môi trường đọc thuận lợi

Phát triển VHĐ hiệu quả đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa gia đình - nhà trường - thư viện - khoa chuyên ngành. Trong đó, môi trường đọc thuận lợi là yếu tố then chốt giúp SV hình thành thói quen tự học, tự nghiên cứu và phát triển tư duy sáng tạo.

Trước tiên cần phải nhắc tới là Thư viện Trường - giảng đường thứ hai của SV, là nơi SV có thể phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu, phát triển kỹ năng bản thân, phát triển VHĐ. Do đó, Thư viện Trường cần quan tâm đầu tư mạnh vào:

Hạ tầng cơ sở: không gian, bàn ghế, máy tính, internet.

Bổ sung nguồn tài liệu phong phú, cập nhật theo nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ năng và giải trí.

Cán bộ thư viện có chuyên môn, tận tâm, hỗ trợ SV hiệu quả.

Tổ chức hướng dẫn sử dụng thư viện, kỹ năng đọc, tra cứu tài liệu và các hoạt động thúc đẩy thói quen đọc như: talkshow, trưng bày sách, cuộc thi, truyền thông sách.

Thường xuyên tìm hiểu, thống kê, nghiên cứu nhu cầu, hứng thú đọc của SV.

Tại các Khoa chuyên ngành - đơn vị quản lý trực tiếp SV thì giảng viên đóng vai trò định hướng, khơi dậy đam mê đọc cho SV thông qua phương pháp giảng dạy sáng tạo, linh hoạt trong đánh giá năng lực cá nhân, giúp SV chủ động học tập và phát triển nhân cách. Chuẩn đầu ra cũng ngày càng chú trọng đến phẩm chất đạo đức và kỹ năng mềm - những yếu tố chịu ảnh hưởng trực tiếp từ VHĐ.

Cuối cùng nhưng là yếu tố ảnh hưởng đầu tiên tới VHĐ của SV là môi trường gia đình - là nền tảng hình thành nhân cách và thái độ sống. Một gia đình yêu sách, trọng đạo sẽ nuôi dưỡng các thế hệ có ý thức học tập, biết tôn trọng tri thức và yêu quý việc đọc.

Tóm lại, VHĐ không chỉ là hành vi đọc mà còn là biểu hiện văn hóa trong ứng xử với tri thức. Việc phát triển VHĐ cần được thực hiện thường xuyên, liên tục trong môi trường giáo dục, là nền tảng giúp SV hình thành thói quen đọc có định hướng, có phương pháp và có văn hóa. Để xây dựng phong trào VHĐ mạnh mẽ cho SV, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa bản thân SV, giảng viên, Nhà trường, gia đình và toàn xã hội. Trong đó, với vai trò là người định hướng, hỗ trợ, giúp đỡ SV trong việc đọc, giảng viên và cán bộ thư viện luôn cần phải tận tâm, nhiệt huyết, sáng tạo hơn nữa để từng bước phát triển VHĐ cho SV trong Trường.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-Q/TW, ngày 04/11/2013, Về*

- đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- [2]. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2010). *Bộ VHTTDL phối hợp cùng Ban Điều hành Dự án giáo dục Sachhay.com tổ chức hội thảo “Thực trạng và giải pháp phát triển VHD ở Việt Nam” tại TP.HCM vào sáng 16/9/2010.* Truy cập từ http://www.cinet.gov.vn/uploadFile/HTML/10_35_58_2042011/index.html.
- [3]. Nguyễn, H. V. (2009). Văn hóa đọc và phát triển văn hóa đọc ở Việt Nam. *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, số 17, tr. 19-26.
- [4]. Nguyễn, M. H. (2017). *Những câu nói hay về sách và văn hóa đọc*, NXB Lao động.
- [5]. Nguyễn, T. N. Q. (2020). Phát triển văn hóa đọc cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp - Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, Số 2, tr. 15-23.
- [6]. Thủ tướng Chính phủ (2017). *Quyết định số 329/QĐ-TTg, ngày 15/3/2017 phê duyệt Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.*
- [7]. Trần, T. M. N. (2016). Giáo dục văn hóa đọc trong thư viện trường tiểu học ở Hà Nội. *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, số 5(61), tr. 6.-13.
- [8]. Vũ, T. T. H. (2013). Văn hóa đọc ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển. *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, số 2, tr. 20-27.

SITUATION AND SOLUTIONS FOR DEVELOPING READING CULTURE AMONG STUDENTS AT HANOI OPEN UNIVERSITY

Nguyen Thi Hong Hanh²

Abstract: *In the context of the current information explosion, fostering a reading culture has become an urgent priority for every nation. Reading culture enables students to enhance their skills in searching, selecting, and utilizing information effectively and ethically, thereby promoting self-study, independent research, and the practical application of knowledge. This article explores the following: Research methods and theoretical basis for developing a reading culture; the current state of reading culture among students at Hanoi Open University, and proposed solutions to cultivate a reading culture among students at the institution.*

Keywords: *students, reading culture development, solutions, Hanoi Open University*

² Hanoi Open University